



Số: 022/2020/BCKT-CT.00106

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang được lập ngày 28 tháng 02 năm 2020, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



A blue ink signature, likely belonging to Nguyễn Thị Ngọc Bích, the auditor.

TRANG ĐẶC NHA

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHANH CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 28 tháng 02 năm 2020

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		327.931.185.236	331.260.005.101
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.284.302.038	5.988.269.945
Tiền	111	5.1	3.284.302.038	5.988.269.945
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.997.673.368	56.569.925.348
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	52.764.294.467	55.201.154.148
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.186.376.904	6.341.407.442
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	826.844.564	911.307.836
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(6.779.842.567)	(5.883.944.078)
Hàng tồn kho	140	5.7	274.845.205.188	267.606.461.070
Hàng tồn kho	141		276.161.762.158	269.121.717.759
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.316.556.970)	(1.515.256.689)
Tài sản ngắn hạn khác	150		804.004.642	1.095.348.738
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	542.102.831	826.011.183
Thuế GTGT được khấu trừ	152		207.303.846	269.337.555
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		54.597.965	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		145.427.107.254	164.375.306.098
Tài sản cố định	220		85.557.730.472	94.511.024.744
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	41.080.526.443	48.614.038.294
Nguyên giá	222		270.985.357.961	271.215.905.600
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(229.904.831.518)	(222.601.867.306)
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	44.477.204.029	45.896.986.450
Nguyên giá	228		47.572.942.345	47.985.268.442
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.095.738.316)	(2.088.281.992)
Bất động sản đầu tư	230	5.11	-	2.033.079.270
Nguyên giá	231		-	16.137.653.892
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(14.104.574.622)
Tài sản dở dang dài hạn	240		15.780.879.735	15.717.711.735
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	15.780.879.735	15.717.711.735
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	25.650.000.000	25.650.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		18.750.000.000	25.650.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.900.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		18.438.497.047	26.463.490.349
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	18.438.497.047	26.463.490.349
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		473.358.292.490	495.635.311.199

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		114.772.596.207	131.621.061.690
Nợ ngắn hạn	310		114.455.096.207	131.176.561.690
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	25.510.382.798	19.093.480.679
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	2.540.951.591	2.036.260.298
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	112.495.708	84.520.590
Phải trả người lao động	314		1.595.998.279	834.150.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	552.626.154	900.213.424
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		166.666.668	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	1.676.440.927	2.142.674.990
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	81.708.284.150	104.755.084.158
Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	5.19	591.249.932	1.330.177.551
Nợ dài hạn	330		317.500.000	444.500.000
Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	317.500.000	444.500.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		358.585.696.283	364.014.249.509
Vốn chủ sở hữu	410	5.20	358.585.696.283	364.014.249.509
Vốn góp của chủ sở hữu	411		350.000.000.000	350.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		350.000.000.000	350.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		8.256.585.962	7.955.513.581
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		329.110.321	6.058.735.928
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		206.591.166	37.288.308
<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	<i>421b</i>		122.519.155	6.021.447.620
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		473.358.292.490	495.635.311.199


TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG
 Người lập biểu


TRẦN KIM UYÊN
 Kế toán trưởng

NGUYỄN THANH XUÂN
 Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2019	2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	784.988.323.880	884.186.586.055
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	11.840.720.257	13.924.130.925
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		773.147.603.623	870.262.455.130
Giá vốn hàng bán	11	6.3	722.204.298.100	822.729.713.748
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		50.943.305.523	47.532.741.382
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	3.045.282.910	4.705.345.340
Chi phí tài chính	22	6.5	7.642.498.233	5.949.075.135
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.776.416.006	4.324.664.436
Chi phí bán hàng	25	6.6	22.731.899.503	26.926.521.552
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	13.917.335.154	13.256.284.498
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.696.855.543	6.106.205.537
Thu nhập khác	31	6.8	2.245.227.764	1.902.857.887
Chi phí khác	32	6.9	11.741.977.966	796.641.952
Lợi nhuận khác	40		(9.496.750.202)	1.106.215.935
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		200.105.341	7.212.421.472
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.15	77.586.186	1.190.973.852
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		122.519.155	6.021.447.620
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		6.10	4	172

TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG
Người lập

TRẦN KIM UYÊN
Kế toán trưởng



NGUYỄN THANH XUÂN
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2019	2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		200.105.341	7.212.421.472
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		10.419.028.004	11.576.007.203
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03		697.198.770	517.118.434
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		25.595	17.390.221
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.919.882.626)	(3.701.575.781)
Chi phí lãi vay	06		5.776.416.006	4.324.664.436
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.172.891.090	19.946.025.985
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.683.789.235	(30.857.437.795)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.040.044.399)	(145.390.978.462)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		7.129.133.722	5.422.866.086
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		8.308.901.654	4.211.043.874
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.043.330.707)	(3.963.071.681)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(32.672.313)	(1.402.307.656)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.040.000.000)	(50.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22.138.668.282	(152.083.859.649)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.408.082.000)	(446.755.909)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.894.890.908	12.272.727
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.937.251.256	3.689.303.054
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.424.060.164	3.254.819.872

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2019	2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	581.850.422.791	719.980.997.908
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(604.897.222.799)	(627.291.325.648)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.219.870.750)	(12.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(28.266.670.758)	80.439.672.260
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(2.703.942.312)	(68.389.367.517)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60		5.988.269.945	74.378.394.978
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(25.595)	(757.516)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	5.1	3.284.302.038	5.988.269.945

TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG
Người lập biểu

TRẦN KIM UYÊN
Kế toán trưởng



NGUYỄN THANH XUÂN
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2020